



## BẢN CHẤT CỦA QUYỀN LỰC QUỐC GIA

**Nguồn:** Hans J. Morgenthau (1948). "The Essence of National Power", in H.J. Morgenthau, *Politics among Nations: The Struggle for Power and Peace* (New York, NY: Alfred A. Knopf), pp. 73-79.

**Biên dịch:** Phạm Khánh Ly | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

### 1. Quyền lực quốc gia là gì?

Chúng ta đã nói rằng khi đề cập đến khái niệm quyền lực (hay sức mạnh), chúng ta muốn nói tới quyền lực của một người chi phối tư tưởng và hành động của những người khác, một hiện tượng được tìm thấy bất kể khi nào có loài người sống và tương tác với nhau trong xã hội. "Quyền lực của một đất nước" hay "quyền lực quốc gia" đã được thảo luận như thể một khái niệm hiển nhiên, đã được giải thích khá đầy đủ bởi những gì chúng ta đã nói về quyền lực nói chung. Tuy nhiên, mặc dù chúng ta dễ dàng hiểu rằng các cá nhân đều tìm kiếm quyền lực, nhưng khát vọng về quyền lực trong các quần thể được gọi là các quốc gia sẽ được lý giải ra sao? Quốc gia là gì? Chúng ta muốn nói lên điều gì khi gán những khát vọng và hành động cho một quốc gia?

Một quốc gia được hiểu theo nghĩa thông thường như vậy chắc chắn không phải là một vật thể thực nghiệm nhìn thấy được. Những gì có thể quan sát thực nghiệm chỉ là công dân của quốc gia đó. Từ đó, quốc gia là một khái niệm trừu tượng bao gồm một số lượng cá nhân có chung những đặc điểm nhất định nào đó, và chính những đặc điểm đó làm cho họ trở thành những thành viên của cùng một quốc gia. Bên cạnh việc là thành viên của một quốc gia và có những suy nghĩ, cảm xúc và hành động theo tư cách đó, mỗi cá nhân còn có thể thuộc về một tôn giáo, một tầng lớp xã hội hoặc kinh tế, một chính đảng hay một gia đình và họ cũng có

thể suy nghĩ, có cảm xúc và hành động theo những tư cách như vậy nữa. Vì thế, khi nói về quyền lực hay chính sách đối ngoại của một quốc gia nào đó, trên phương diện thực nghiệm chúng ta chỉ muốn nói đến quyền lực hoặc chính sách đối ngoại của các cá nhân nhất định trong quốc gia đó.

Tuy nhiên, điều này lại nảy sinh một khó khăn khác. Quyền lực hay chính sách đối ngoại của nước Mỹ hiển nhiên lại không có nghĩa là quyền lực hoặc chính sách đối ngoại của tất cả những cá nhân thuộc về đất nước được gọi là Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Việc nước Mỹ đã trỗi dậy sau Thế chiến thứ II trở thành một cường quốc hùng mạnh nhất trên thế giới không ảnh hưởng đến quyền lực của đại đa số cá nhân công dân Mỹ. Tuy nhiên nó lại ảnh hưởng đến những người quản lý quan hệ đối ngoại của Mỹ, cụ thể hơn chính là những người phát ngôn và đại cho Mỹ trên diễn đàn quốc tế. Một quốc gia theo đuổi các chính sách, đường lối quốc tế với tư cách là một tổ chức pháp lý gọi là nhà nước mà các nhân viên của nó làm đại diện cho quốc gia trên diễn đàn quốc tế. Họ lên tiếng đại diện đất nước, đàm phán các hiệp ước nhân danh nó, vạch ra mục tiêu, lựa chọn giải pháp để đạt được chúng và cố gắng để giữ vững, phát triển và chứng minh quyền lực của đất nước mình. Họ chính là những cá thể mà khi xuất hiện với tư cách là đại diện cho quốc gia trên diễn đàn quốc tế, đã nắm trong tay quyền lực và theo đuổi các đường lối của đất nước họ. Họ chính là minh họa cho những thuật ngữ thực nghiệm về quyền lực hoặc chính sách đối ngoại của một quốc gia mà chúng ta đã nhắc tới ở trên.

Vậy thì làm sao đại đa số công dân của một nước với quyền lực của các cá thể không bị ảnh hưởng bởi những thăng trầm của quyền lực quốc gia có thể tự gắn mình với quyền lực và chính sách đối ngoại của đất nước họ, tự mình trải nghiệm chúng như thể chúng là của mình, và hành xử như vậy với một cảm xúc mãnh liệt thường hơn cả cảm xúc đối với tham vọng quyền lực cá nhân của họ? Bằng việc đặt câu hỏi này, chúng ta đã tự đặt ra vấn đề về chủ nghĩa dân tộc hiện đại. Trong những thời đại trước của lịch sử, tập thể mà quyền lực, tham vọng quyền lực của nó cuốn hút các cá thể gắn bó với nhau được xác định bởi quan hệ huyết thống, tôn giáo, hoặc chung lòng trung thành với một vị vua chúa nào đó. Trong thời đại chúng ta, sự gắn bó với quyền lực và đường lối của quốc gia hầu như đã thay thế cho, hoặc ít nhất làm lu mờ, những cách xác định bản sắc đó của các thời đại trước. Vậy, hiện tượng chủ nghĩa dân tộc hiện đại ấy sẽ được giải thích ra sao?

Như đã thảo luận từ trước về các ý thức hệ của chính sách đối ngoại mà theo đó trong tư duy của mỗi cá nhân, khát vọng muốn chiếm lấy quyền lực của người khác sẽ bị định kiến là vô đạo đức. Trong khi một trong những căn nguyên

của việc hạ thấp đạo đức này xuất phát từ ước muốn của những nạn nhân tiềm tàng được bảo vệ sự tự do của mình trước các mối đe dọa xuất phát từ quyền lực của kẻ khác, thì căn nguyên còn lại bắt nguồn từ nỗ lực của toàn xã hội trong việc kiểm chế và giữ giới hạn đối với các khát vọng quyền lực của các cá thể trong xã hội đó. Xã hội đã thiết lập một hệ thống các quy tắc về đạo đức và các công cụ thể chế cho việc kiểm soát khát vọng quyền lực của các cá thể trong xã hội. Những quy tắc và công cụ trên hoặc đều lái các khát vọng quyền lực của các cá thể vào đúng hướng để không thể gây nguy hiểm cho xã hội, hoặc là làm cho chúng yếu đi hay ngăn cản chúng một cách hoàn toàn. Luật pháp, đạo đức, tập quán, vô số các thể chế và dàn xếp xã hội như thi tuyển cạnh tranh, bầu cử, thể thao, câu lạc bộ xã hội, và các hội ái hữu, tất cả đều nhằm vào mục đích này.

Kết quả là hầu như mọi người đều không thể thỏa mãn được tham vọng quyền lực của mình trong cộng đồng quốc gia. Trong cộng đồng đó, chỉ có một nhóm tương đối nhỏ có thể nắm giữ quyền lực lâu dài đối với đại đa số người dân mà không bị kiểm soát sâu rộng bởi những người khác. Phần đông dân số chủ yếu là đối tượng bị quyền lực kiểm soát chứ không phải là người kiểm soát quyền lực. Khi không được thỏa mãn đầy đủ ước muốn về quyền lực ở trong nước của mình, họ hướng đến chính trường quốc tế để thể hiện những khát vọng chưa được thỏa mãn đó. Ở đó, họ tìm thấy được sự thỏa mãn trong tương tượng khi gắn mình với những khát vọng quyền lực của quốc gia. Một người dân Mỹ, khi nghĩ về quyền lực của đất nước mình, anh ta cảm nhận được sự hồ hởi trong lòng mình giống như người dân La Mã tự xác định bản sắc của mình với quyền lực của thành Rome. Cũng như để phân biệt mình với người lạ, anh ta sẽ nói: *"Tôi là một công dân La Mã"*. Khi chúng ta ý thức rằng mình là thành viên của một quốc gia hùng mạnh nhất thế giới, quốc gia với nguồn lực công nghiệp lớn nhất và sự độc quyền về bom nguyên tử; chúng ta tự thăng hoa và cảm nhận được một niềm kiêu hãnh lớn lao. Điều đó như thể là tất cả chúng ta, không phải là từng cá thể riêng lẻ mà là một tập thể, với tư cách là công dân của một nước cùng đều sở hữu và kiểm soát thứ quyền lực lớn lao đó. Quyền lực mà các nhà đại diện của chúng ta đang thực thi trên chính trường quốc tế trở thành quyền lực của chúng ta, và nỗi thất vọng mà chúng ta trải qua bên trong cộng đồng quốc gia sẽ được bù đắp bởi sự vui lây từ quyền lực quốc gia.

Những xu hướng tâm lý này tồn tại trong mỗi thành viên của một quốc gia, sẽ được ủng hộ bởi các quy tắc đạo đức và thể chế của chính xã hội. Xã hội kiểm chế khát vọng về quyền lực của mỗi cá nhân bên trong cộng đồng quốc gia và khinh miệt những khát vọng muốn tìm kiếm quyền lực cá nhân cho riêng mình. Tuy nhiên xã hội khuyến khích và tôn vinh xu hướng của số đông, vốn thất vọng trong

việc thỏa mãn tham vọng quyền lực cá nhân, gắn mình với cuộc đấu tranh quyền lực của quốc gia trên chính trường quốc tế. Quyền lực được theo đuổi bởi riêng một cá thể vì lợi ích riêng mình sẽ bị coi là xấu xa và chỉ được khoan dung trong một giới hạn và biểu hiện nhất định nào đó. Quyền lực được che đậy dưới lớp bọc hệ tư tưởng và được theo đuổi nhân danh hay vì quyền lợi một quốc gia lại trở thành một điều được hoan nghênh mà mọi công dân nên phấn đấu. Các biểu tượng quốc gia là công cụ giúp mỗi cá nhân xác định bản sắc của mình gắn với quyền lực của quốc gia, đặc biệt khi liên quan tới sức mạnh quân sự và trong mối quan hệ với các nước khác. Đạo đức và tập quán của xã hội có xu hướng làm cho sự xác định bản sắc đó trở nên hấp dẫn bằng cách đưa ra phần thưởng cũng như đe dọa áp dụng các hình phạt.

Do đó, không phải ngẫu nhiên mà một vài nhóm cư dân nào đó hoặc là những người ủng hộ nhiệt thành nhất cho tham vọng quyền lực của đất nước trên chính trường quốc tế, hoặc họ sẽ từ chối không làm gì vì điều này. Những nhóm này chủ yếu là các đối tượng bị kiểm soát bởi quyền lực của kẻ khác, hoàn toàn bị tước đi những giải pháp thực hiện tham vọng quyền lực cá nhân, hoặc cảm thấy bất an nhất khi sở hữu bất cứ thứ quyền lực nào mà họ có bên trong cộng đồng quốc gia. Đặc biệt, không những những người thuộc tầng lớp thấp hơn như viên chức cổ cồn trắng, mà còn phần lớn lực lượng người lao động nông cốt,<sup>1</sup> đều hết mực gắn mình với tham vọng quyền lực của quốc gia. Hoặc ngược lại, mà giai cấp vô sản cách mạng là một ví dụ điển hình, cụ thể là ở Châu Âu, họ hoàn toàn không xác định bản sắc của mình gắn với các tham vọng quyền lực quốc gia chút nào. Trong khi nhóm sau cho tới lúc này chỉ là một mối quan ngại nhỏ đối với chính sách quốc tế của Mỹ, thì nhóm trước lại trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Vậy thì, đây chính là nơi chúng ta cần phải tìm kiếm được căn nguyên của chủ nghĩa dân tộc hiện đại và giải thích cho sự khốc liệt đang gia tăng trong việc theo đuổi chính trị quốc tế của các nước trong thời hiện đại. Sự bất an của các cá nhân ngày càng gia tăng ở xã hội phương Tây, đặc biệt trong tầng lớp thấp trong xã hội, đã khuếch đại sự thất vọng liên quan đến nỗ lực tìm kiếm quyền lực cá nhân. Điều đó đến lượt nó làm tăng sự khao khát muốn bù đắp bằng cách gắn kết mình với những tham vọng về quyền lực của quốc gia. Những sự gia tăng này diễn ra cả về chất lẫn lượng.

---

<sup>1</sup> Xét về quyền lực, họ không có gì nhiều để mất hoặc giành được từ các chính sách đối ngoại mang tính dân tộc chủ nghĩa hơn so với các nhóm cư dân khác, ngoại trừ quân đội.

## 2. Nguồn gốc của chủ nghĩa dân tộc hiện đại

Cho đến thời Chiến tranh Napoleon, chỉ những nhóm nhỏ dân cư gắn mình với chính sách đối ngoại của quốc gia họ. Chính sách đối ngoại thật sự không mang tính quốc gia mà là chính sách của một triều đình. Sự ủng hộ là đối với quyền lực và chính sách của riêng một đấng quân vương hơn là quyền lực và chính sách của một tập thể, ví dụ như một quốc gia. Trong cuốn tự truyện của mình, Goethe đã nhấn mạnh rằng: “Chúng ta đều yêu thích Frederik [Đại đế], nhưng chúng ta có yêu quý gì nước Phổ không?”

Với những cuộc chiến tranh của Napoleon, thời kỳ của chính sách đối ngoại và các cuộc chiến tranh quốc gia đã bắt đầu, đó là sự gắn bó của đại đa số công dân của một quốc gia với quyền lực và chính sách của đất nước. Cho đến thời Thế chiến thứ nhất, mức độ mà các thành viên của các đảng xã hội Châu Âu gắn mình với quyền lực và chính sách của đất nước họ đến mức độ nào vẫn bị nghi ngờ. Tuy nhiên, sự tham gia đầy đủ vào cuộc chiến của phần đông công nhân các nước tham chiến đã chứng minh sự ủng hộ của toàn thể người dân đối với quyền lực và chính sách của đất nước họ.

Tuy nhiên, Thế chiến thứ hai đã dẫn tới sự ủng hộ suy giảm so với trong Thế chiến thứ nhất. Sự giảm sút này xảy ra ở tầng đỉnh cũng như tầng đáy của kim tự tháp cấu trúc xã hội. Một mặt, các nhóm những người lãnh đạo trí thức, chính trị gia và quân đội ở Vương quốc Anh và Pháp, vốn tương đối nhỏ nhưng nhiều quyền lực, đã cự tuyệt việc ủng hộ đất nước hoặc thậm chí ủng hộ kẻ thù của quốc gia. Những nhà lãnh đạo này có cảm giác bất an về thế lực của mình, đặc biệt là nếu xét đến sự yếu kém về chính trị và quân sự của nước nhà, và chỉ riêng kẻ thù mới giúp bảo đảm rằng họ vẫn giữ được vị thế của họ trên đỉnh tháp xã hội. Mặt khác, Đảng cộng sản Pháp, vốn ủng hộ cả nước Pháp và Liên Xô, đã có thể hoàn toàn ủng hộ nước Pháp chỉ khi sau cuộc tấn công của Đức vào Liên Xô năm 1941 khiến khơi dậy cả hai sự ủng hộ này. Chỉ riêng cuộc tấn công của Đức vào nước Pháp không đủ để kích thích người dân tích cực tham gia kháng chiến chống quân xâm lược. Nhưng cuộc tấn công của Đức vào Liên Xô lại biến Pháp và Liên Xô trở thành những đồng minh trong một sự nghiệp chung, khiến cho những người cộng sản Pháp có thể chống lại người Đức xâm lược với danh nghĩa là kẻ thù chung của cả Pháp và Liên Xô. Sự ủng hộ của những người cộng sản Pháp đối với chính sách của nước nhà đã phụ thuộc vào việc những chính sách đó có phù hợp với quyền lợi và chính sách của Liên Xô hay không. Sự ủng hộ của những người cộng sản đối với các chính sách và lợi ích của nước ngoài, vốn còn lớn hơn so với sự ủng hộ đối với chính sách và lợi ích của quốc gia, là một hiện tượng phổ biến, và vì vậy đã trở

thành một thử thách đối với sự gắn kết nội tại của nhà nước cũng như đe dọa sự tồn tại của chính nó.<sup>2</sup>

Về mặt định tính, mức độ gắn kết về tình cảm của cá nhân đối với đất nước tỷ lệ nghịch với sự ổn định của xã hội, phản ánh ở khía cạnh cảm giác an toàn của mỗi cá thể tồn tại trong xã hội đó. Sự ổn định của xã hội và sự an toàn của các thành viên càng lớn thì cơ hội để các tình cảm tập thể dẫn tới việc theo đuổi một hình thức thể hiện chủ nghĩa dân tộc hiếu chiến càng nhỏ và ngược lại.<sup>3</sup> Những cuộc chiến tranh cách mạng của Pháp vào cuối thế kỷ 18 và các cuộc chiến tranh giải phóng chống lại Napoleon giai đoạn 1812-15 là những ví dụ đầu tiên trong thời kỳ hiện đại cho thấy cảm giác bất an của quần chúng vốn khởi nguồn từ sự bất ổn của xã hội trong nước và dẫn tới sự bùng nổ tình cảm dưới hình thức là sự ủng hộ nhiệt tình của đám đông đối với các cuộc chiến tranh và các chính sách đối ngoại hiếu chiến. Sự bất ổn xã hội trở nên sâu sắc ở nền văn minh phương Tây trong suốt thế kỷ 19. Nó trở nên thường xuyên xảy ra vào thế kỷ 20 do sự suy yếu của các mối quan hệ truyền thống, đặc biệt là dưới hình thức tôn giáo, đồng thời cũng bắt nguồn từ hệ quả tất yếu của đời sống và công việc, cũng như các cuộc khủng hoảng kinh tế theo chu kỳ. Cảm giác bất an của các nhóm bị ảnh hưởng bởi những yếu tố này đã tìm thấy một lối thoát ở việc thể hiện bản sắc dân tộc chủ nghĩa mạnh mẽ và cố định. Khi xã hội phương Tây trở nên bất ổn hơn bao giờ hết, cảm giác bất an của người dân càng tăng thêm và tình cảm gắn bó với đất nước trong vai trò là một sự thay thế mang tính biểu tượng cho cá nhân trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Các cuộc chiến tranh thế giới, cách mạng, sự tập trung quyền lực kinh tế, chính trị và quân sự, cùng với các cuộc khủng hoảng kinh tế ở thế kỷ 20 đã khiến tình cảm này trở thành một thứ tôn giáo thế tục. Những cuộc chiến tranh giành quyền lực lúc này mang một diện mạo ý thức hệ như là sự đối đầu giữa thiện và ác. Các chính sách đối ngoại sẽ biến những cuộc chiến tranh đó thành sứ mệnh thiêng liêng, cao cả, được tiến hành như những cuộc thập tự chinh nhằm mang thứ tôn giáo chính trị đúng đắn ra khắp phần còn lại của thế giới.

Mối quan hệ giữa sự phân rã xã hội, sự bất an của các cá thể trong xã hội, và sự mạnh mẽ của các tham vọng quyền lực dân tộc chủ nghĩa hiện đại đặc biệt có thể nhận ra từ chủ nghĩa phát xít Đức, nơi mà 3 yếu tố trên được phát triển vượt bậc hơn tất cả các nơi khác. Xu hướng chung hướng tới sự phân rã xã hội của thời kỳ hiện đại đã bị đẩy tới mức cực đoan ở Đức thông qua kết hợp những yếu tố nhất định trong đặc trưng quốc gia, qua đó ủng hộ hành động cực đoan hơn là dàn xếp

<sup>2</sup> Xem thêm phần sau, Chương 14.

<sup>3</sup> Những tình cảm tập thể này đương nhiên cũng tìm thấy lối thoát ở sự hiếu chiến trong nước hình thức đấu tranh cách mạng, cách mạng và nội chiến.

và thỏa hiệp quan điểm, đồng thời điều này cũng xuất phát từ 3 sự kiện vốn đã làm suy yếu kết cấu xã hội của Đức tới mức khiến nó trở thành con mồi dễ dàng trong ngọn lửa hủy diệt của chủ nghĩa quốc xã.

Sự kiện thứ nhất là sự thất bại trong Thế chiến thứ nhất, diễn ra đồng thời với một cuộc cách mạng vốn chịu trách nhiệm cho không chỉ sự sụp đổ của các giá trị và thể chế chính trị truyền thống mà còn cho cả sự thất bại trong chính cuộc thế chiến. Cuộc cách mạng về bản chất đã làm mất mát quyền lực và dẫn tới sự bất an về địa vị xã hội của những người thuộc tầng lớp cấp cao trong trật tự mang tính thứ bậc của xã hội quân chủ. Thế nhưng, tình hình xã hội của phần đông dân chúng cũng chịu tác động bởi sự ảnh hưởng của ý tưởng rằng sự thất bại trong cuộc chiến và cách mạng đều là kết quả của những âm mưu nguy hiểm của các kẻ địch trong nước và quốc tế nhằm tiêu diệt nước Đức. Vì thế Đức không những bị bao vây bởi các kẻ thù ngoại quốc mà trong chính thể chế chính trị của mình, Đức còn bị tấn công bởi những kẻ phá hoại và ăn bám vô hình, làm suy giảm quyền lực tạo tiền đề cho sự hủy diệt chính nó.

Sự kiện thứ hai là lạm phát vào đầu thế kỷ 20 khiến cho đại bộ phận giai cấp trung lưu trở thành vô sản, đồng thời làm suy yếu, nếu không muốn nói là phá hủy, phần lớn các nguyên tắc đạo đức truyền thống của sự trung thực và đối xử công bằng trong xã hội nói chung. Giai cấp trung lưu, nhằm chống lại tình trạng vô sản hóa về kinh tế của mình, đã đi theo đường lối của các hệ tư tưởng dân tộc chủ nghĩa và chống lại giai cấp vô sản. Giai cấp thấp nhất thuộc tầng lớp trung lưu đặc biệt thường có ít nhiều sự hài lòng do vị thế cao hơn của họ so với giai cấp vô sản. Nếu họ nhìn vào hình kim tự tháp giai cấp xã hội một cách tổng thể, họ luôn phải nhìn lên hơn thay vì nhìn xuống. Thế nhưng, mặc dù họ thực ra vẫn chưa thuộc tầng đáy của kim tự tháp xã hội đó, họ vẫn không thấy thoải mái vì nằm quá gần nó. Từ đó dẫn đến cảm giác thất vọng và bất an cũng như khuynh hướng thiên về bản sắc dân tộc chủ nghĩa. Giờ đây, lạm phát đẩy họ xuống đáy của xã hội, và trong cơn đấu tranh tuyệt vọng để thoát khỏi sự đồng nhất về xã hội và chính trị với đám đông vô sản, họ tìm kiếm sự cứu giúp từ lý thuyết và thực tiễn của chủ nghĩa quốc xã. Bởi vì chủ nghĩa quốc xã mang tới cho họ những chủng tộc thấp kém hơn để khinh miệt cũng như những kẻ thù ngoại bang để cảm thấy mình ưu việt hơn và chinh phục.

Cuối cùng, cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1929 bằng các cách khác nhau đã khiến tất cả nhóm người khác nhau của nước Đức đối mặt với thực tế hoặc cảm nhận sự đe dọa bị mất đi địa vị xã hội, cũng như gây ra cảm giác bất an về tri thức, đạo đức và kinh tế. Giai cấp công nhân đối mặt với nạn thất nghiệp thường xuyên

tiềm tàng hay thực tế. Những nhóm người thuộc giai cấp trung lưu vừa mới vực dậy từ sự tàn phá của lạm phát, lại mất hết những gì mà mình mới gầy dựng lại. Các nhà tư bản công nghiệp phải đương đầu với những gánh nặng xã hội đang gia tăng và bị ám ảnh bởi nỗi sợ diễn ra cách mạng. Chủ nghĩa quốc xã đã hướng tất cả những nỗi sợ hãi, những bất an và sự tuyệt vọng này vào hai kẻ thù ngoại bang: Hiệp ước Versailles và chủ nghĩa Bolshevik cùng với các thế lực ủng hộ trong nước. Nó tập trung toàn bộ những làn sóng bất mãn thành một dòng chảy cực mạnh của sự cực đoan dân tộc chủ nghĩa. Từ đó, chủ nghĩa quốc xã đã có thể gắn kết theo một cách thức hết sức toàn trị tham vọng của mỗi người Đức với các mục tiêu quyền lực của cả nước Đức. Không ở đâu trong lịch sử hiện đại có một sự gắn kết hoàn hảo đến vậy. Cũng không ở đâu lại tồn tại một không gian mà ở đó các cá nhân theo đuổi tham vọng quyền lực vì lợi ích của riêng mình ít đến như vậy. Và cũng không nơi đâu mà các động lực cảm xúc đã khiến sự gắn kết đó biến thành sự hiếu chiến trên trường quốc tế lớn đến như vậy trong nền văn minh hiện đại.

Dù việc biến các nỗi tuyệt vọng cá nhân thành các bản sắc tập thể gắn với quốc gia chưa nơi đâu xảy ra một cách toàn diện và mạnh mẽ như tại nước Đức thời kỳ Quốc xã, nhưng thứ chủ nghĩa dân tộc hiện đại của nước Đức lại khác về mức độ chứ không phải dạng thức so với chủ nghĩa dân tộc của các cường quốc khác như Liên Xô và Mỹ. Tại Liên Xô, đại đa số người dân không có cơ hội để thỏa mãn khát vọng quyền lực bên trong xã hội trong nước. Giai cấp công nhân và nông dân Nga không có một giai cấp nào thấp hơn mình thể nhìn xuống khinh khi, và sự bất an của họ cũng tăng cao hơn bởi nhà nước công an trị, cũng như bởi mức sống tồi tàn tới mức đôi khi có thể đe dọa chính mạng sống của họ. Ở đây, chế độ toàn trị cũng hướng những nỗi thất vọng, lo lắng bất an ra chính trường quốc tế nơi mà mỗi cá nhân nước Nga tìm thấy ở cảm giác gắn kết với hình ảnh “đất nước tiến bộ nhất thế giới”, “quê hương của chủ nghĩa xã hội” một sự thỏa mãn mang tính tượng trưng cho khát vọng quyền lực của mình. Niềm tin, vốn có vẻ như được ủng hộ bởi kinh nghiệm lịch sử rằng quốc gia nơi mà người ta ủng hộ liên tục bị đe dọa bởi các kẻ thù tư bản chủ nghĩa, đã chuyển nỗi sợ hãi và cảm giác bất an của họ lên một bình diện tập thể. Nỗi sợ hãi cá nhân từ đó biến đổi thành cảm giác bất an dành cho đất nước. Vì vậy, sự xác định bản sắc gắn liền với quốc gia phục vụ cho chức năng hai mặt bao gồm việc thỏa mãn quyền lực cá nhân và làm dịu đi nỗi sợ hãi cá nhân bằng cách hướng cả hai ra chính trường quốc tế.

Tại Mỹ, tiến trình quyền lực quốc gia bị chiếm hữu và trải nghiệm bởi các cá thể như thể là quyền lực của mình phần lớn giống với mẫu hình chủ đạo được phát triển ở nền văn minh phương Tây trong thế kỷ 19. Điều này nói lên việc tự xác định bản sắc thông qua quyền lực và chính sách quốc tế của quốc gia xuất phát



chủ yếu từ những thất vọng và cảm giác bất an điển hình của giai cấp trung lưu. Tuy nhiên, xã hội Mỹ là một xã hội trung lưu lớn hơn bất kỳ xã hội nào khác của nền văn minh phương Tây. Quan trọng hơn, bất kỳ sự khác biệt giai cấp nào trong xã hội Mỹ cũng có khuynh hướng đi, nếu không muốn nói là được giải quyết, bởi sự đồng nhất trong tầng lớp trung lưu về những giá trị và khát vọng. Do đó, sự ủng hộ của cá nhân đối với quốc gia do các thất vọng và khát vọng của giai cấp trung lưu hầu như cũng phổ biến và tiêu biểu ở xã hội Mỹ giống như sự ủng hộ của giai cấp vô sản (đối với quốc gia) ở Liên Xô. Mặt khác, sự linh động của xã hội Mỹ mở ra cho đại đa số dân chúng nhiều con đường để đạt tới sự cải thiện về kinh tế và xã hội. Trong quá khứ, ít nhất là trong những giai đoạn bình thường, những cơ hội này đã giữ cho mức độ tình cảm thể hiện trong việc gắn mình với các chính sách quốc gia ở mức khá thấp nếu so với tình trạng tương ứng tại Liên Xô và nước Đức thời Quốc xã.<sup>4</sup>

Tuy nhiên, những yếu tố mới lại phát sinh thêm trong các giai đoạn gần đây do nỗi sợ về các cuộc khủng hoảng kinh tế theo chu kỳ, sự đe dọa bởi cách mạng thể giới với biểu tượng là Quốc tế cộng sản, sự biến mất tương đối của tình trạng biệt lập địa lý, và mối nguy từ chiến tranh hạt nhân. Từ đó, vào thập kỷ thứ 5 của thế kỷ 20, sự thất vọng và lo lắng cá nhân gia tăng đã khiến họ ngày một gắn bản sắc của mình hơn với quyền lực và chính sách của đất nước. Vậy nên, nếu như xu hướng hiện thời dẫn tới tình trạng bất ổn trong nước và quốc tế ngày một gia tăng không được đảo ngược, thì Mỹ có vẻ như sẽ ngày một tham gia vào những khuynh hướng đó trong nền văn hóa hiện đại - thứ đã được biểu thị một cách cực đoan nhất ở Liên Xô và nước Đức thời Quốc xã. Những khuynh hướng này khiến các cá nhân gắn mình với quốc gia ngày một toàn diện và sâu sắc hơn. Chính điều này là một căn nguyên dẫn tới sự tàn bạo và nhẫn tâm của các chính sách đối ngoại hiện đại nơi mà các tham vọng quốc gia về quyền lực xung đột với nhau, được ủng hộ bởi hầu như toàn bộ người dân với một sự nhiệt thành và mức độ cảm xúc to lớn mà trong các thời kỳ trước của lịch sử chỉ có các vấn đề tôn giáo mới có thể tạo ra được.

----

---

<sup>4</sup> Trong quá khứ, việc xác định bản sắc gắn với quốc gia mạnh mẽ ở nước Mỹ chủ yếu liên quan đến tình trạng đối địch giữa thành phần bất an nhất của giai cấp trung lưu chống lại một số nhóm sắc tộc nhất định, ví dụ như người da đen hay làn sóng người vô sản nhập cư gần đây nhất.

## GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

### Mục đích

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng ý của độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

### Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

### Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

### Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.

- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).

### **Thời hạn hoàn thành bản dịch**

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

### **Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net***

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>. Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

### **Bản quyền bài dịch**

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

### **Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net***

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

**Liên lạc**

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).